

Bình Dương, ngày 16 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty Cổ phần ICD Tân cảng Sóng Thần năm 2019

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700785006
- Vốn điều lệ: 120.086.720.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 120.086.720.000 đồng
- Địa chỉ: Số 7/20, đường ĐT 743, KP. Bình Đáng, P. Bình Hòa, TX. Thuận An, tỉnh Bình Dương.
- Số điện thoại: 0274-3713483
- Số fax: 0274-3731352
- Website: www.icdsongthan.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): IST

Quá trình hình thành và phát triển

- Ngày 21/12/1995, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam ký Quyết định số 710/QĐ-TM thành lập bãi chứa container của Quân cảng Sài Gòn.
- Ngày 21/12/2000, Bộ Tư lệnh Hải quân ký Quyết định số 5967/QĐ-HQ thành lập Điểm thông quan nội địa ICD Tân Cảng Sóng Thần thuộc Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, với ngành nghề kinh doanh xếp dỡ hàng hóa, dịch vụ cảng biển, kho bãi.
- Tháng 3/2007, Công ty được nâng cấp thành Công ty TNHH MTV ICD Tân Cảng Sóng Thần, hạch toán độc lập theo mô hình công ty mẹ - công ty con, trực thuộc Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, vốn điều lệ 80.000.000.000 đồng.
- Ngày 15/10/2012, Công ty thay đổi giấy đăng ký doanh nghiệp lần thứ 2, bổ sung dịch vụ đại lý hải quan và tăng vốn điều lệ lên 150.000.000.000 đồng.
- Ngày 28/12/2015, Công ty thay đổi giấy phép đăng ký doanh nghiệp lần thứ 3, thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty.
- Công ty thực hiện cổ phần hoá theo quyết định số 2105/QĐ-BQP ngày

04/06/2015 của Bộ Quốc phòng. Ngày 01/06/2016, Công ty thay đổi giấy phép đăng ký doanh nghiệp lần thứ 04, chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

- Ngày 01/06/2016, tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần.

- Ngày 01/06/2016, Công ty TNHH MTV ICD Tân Cảng Sóng Thần được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700785006, đăng ký lần đầu ngày 27/03/2007, thay đổi lần thứ 04 ngày 01/06/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp với vốn điều lệ là 120.086.720.000 đồng.

- Ngày 26/08/2016, Công ty cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) chấp thuận hồ sơ đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 5745/UBCK-GSĐC của UBCKNN.

- Ngày 16/11/2016, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 145/2016/GCNCP-VSD, với tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là 12,008,672 cổ phiếu.

- Ngày 08/12/2016, căn cứ quyết định số 800/QĐ-SGDHN, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu với mã chứng khoán IST, với tổng số lượng đăng ký giao dịch là 12.008.672 cổ phiếu.

- Ngày 27/12/2016, HNX thông báo về ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu IST.

- Ngày 05/01/2017, cổ phiếu IST của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần giao dịch ngày đầu tiên với giá tham chiếu 14.800 đồng/ cổ phiếu.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ lưu giữ than đá);

+ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

+ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: dịch vụ kiểm đếm; dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; dịch vụ xuất nhập khẩu ủy thác; dịch vụ khai thuê hải quan;

- Địa bàn kinh doanh:

+ Bình Dương;

+ Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:

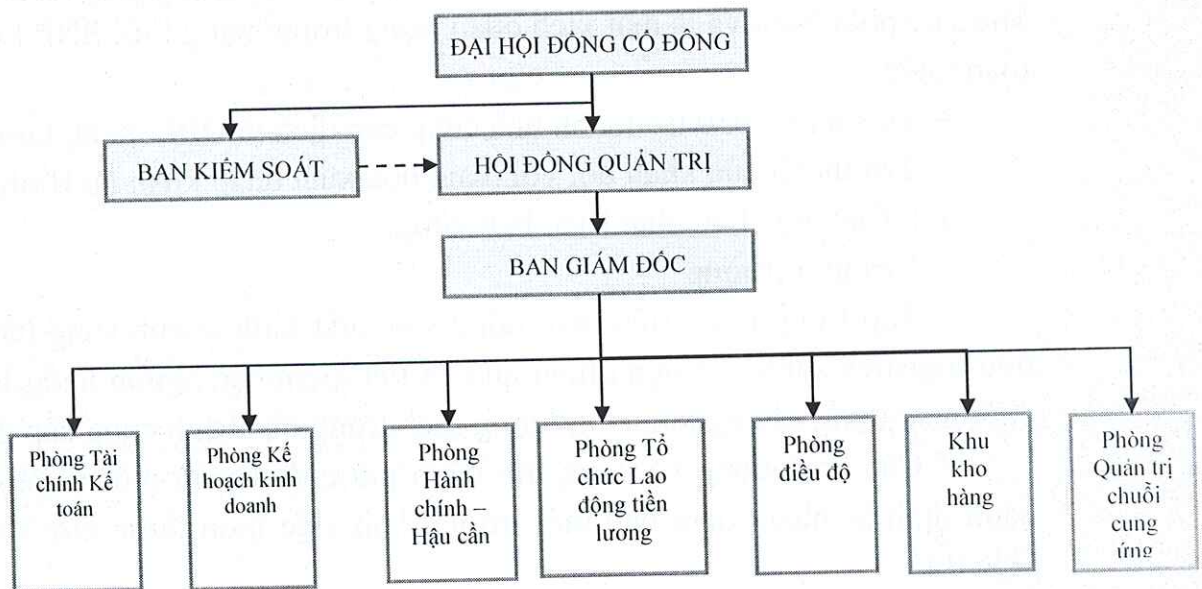
+ Đại Hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và nhiệm vụ quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp;

+ Hội đồng quản trị (HĐQT) gồm 05 (năm) thành viên, là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định những vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

+ Ban kiểm soát (BKS) có 03 (ba) thành viên, thay mặt ĐHĐCĐ giám sát công tác quản lý điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc theo quy định trong Điều lệ công ty, các Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ và các văn bản pháp luật;

+ Ban Giám đốc điều hành hoạt động của Công ty, đứng đầu là Giám đốc;

- Cơ cấu bộ máy quản lý.



- Các công ty con, công ty liên kết:

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn điều lệ thực góp (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	CTCP Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương (BNP)	Đường ĐT 743, KP. Bình Đáng, P. Bình Hòa, TX. Thuận An, tỉnh Bình Dương.	Dịch vụ vận tải, kho bãi	11.440.000.000	36,00
2	CTCP Unithai Maruzen Logistics Việt Nam (Unithai)	Số 16-18-20-24 Nguyễn Công Trứ, P.Nguyễn Thái Bình, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.	Dịch vụ vận tải và thuê tàu	480.000.000	20,00

4. Định hướng phát triển

4.1. Mục tiêu:

- Trở thành một trung tâm Logistics chuyên cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp 3PL, hướng đến trở thành một nhà cung cấp dịch vụ 3PL.
- Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông tại Công ty và các doanh nghiệp có vốn góp của Công ty;
- Tối đa hóa lợi nhuận và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm tăng cường tích tụ, tập trung vốn, phân công chuyên môn hóa và hợp tác sản xuất, nâng cao chất lượng quản lý, hiệu quả đầu tư, kinh doanh, uy tín và khả năng cạnh tranh của Công ty.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Phân đầu đến năm 2025 trở thành một trung tâm logistics hiện đại tại khu vực phía Nam và là mắt xích quan trọng trong mạng lưới SNP Logistics trên toàn quốc.
- Đến năm 2030 trở thành nhà cung cấp dịch vụ 3PL mang tầm cỡ quốc tế.
- Trở thành cửa khẩu đối với hàng hóa xuất nhập khẩu tại Bình Dương.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững:

- Với môi trường
 - ✓ Tập trung phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh song hành với mục tiêu logistics xanh; Sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn năng lượng; Tăng cường sử dụng các nguồn năng lượng sạch trong quá trình cung cấp dịch vụ;
 - ✓ Các hoạt động về kiểm tra, đánh giá chất lượng môi trường được tiến hành định kì nhằm đảm bảo môi trường làm việc luôn được duy trì trong điều kiện tốt.
- Với xã hội cộng đồng
 - ✓ Công ty luôn duy trì các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, xây nhà tình nghĩa, đóng góp vào quỹ xóa đói giảm nghèo, quỹ phòng chống thiên tai, quỹ mẹ Việt Nam anh hùng nhằm nâng cao tinh thần tương thân tương ái của CBCNV với xã hội và cộng đồng.
 - ✓ Phát triển, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tạo thêm nhiều việc làm cho xã hội.

5. Các rủi ro:

- Tình hình kinh tế có nhiều biến động phức tạp đã tác động không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;
- Ngày càng nhiều các doanh nghiệp nước ngoài với kinh nghiệm, giá trị thương hiệu lớn gia nhập thị trường Logistics Việt Nam. Rủi ro về việc mất

khách hàng nếu không chuẩn hóa và tối ưu hóa chất lượng dịch vụ ngày càng tăng cao.

– Những thay đổi về quy định, chính sách từ các cơ quan quản lý Nhà nước.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: tr đồng						
TT	Nội dung	2018	2019		So sánh	
			KH	TH	TH/KH	TH/TH
1	Tổng doanh thu	281.620	310.981	285.077	92%	101%
	- DT bán hàng	280.067	310.231	283.731	91%	101%
	- DT tài chính	1.535	750	1.238	165%	81%
	- DT khác	18	-	108		585%
2	Tổng chi phí	236.976	263.997	236.802	90%	100%
	- Giá vốn hàng bán	194.059	212.686	192.273	90%	99%
	- CP tài chính	4.768	10.576	8.331	79%	175%
	- CP bán hàng	2.698	3.100	2.941	95%	109%
	- CP quản lý doanh nghiệp	35.294	37.635	33.206	88%	94%
	- CP khác	158	-	51		32%
3	Lợi nhuận trước thuế	44.644	46.984	48.274	103%	108%
4	Lợi nhuận sau thuế	35.481	37.707	38.698	103%	109%

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Chức vụ	SL CP	Ghi chú
1	Nguyễn Thành Sơn	Giám đốc	6,200	
2	Nguyễn Quang Ngọc	Phó Giám đốc	0	
3	Nguyễn Đức Anh	Phó Giám đốc	0	Miễn nhiệm ngày 29/07/2019
4	Nguyễn Phước Hiệp	Phó Giám đốc	0	Miễn nhiệm ngày 25/12/2019
5	Phạm Thanh Sơn	Phó Giám đốc	0	Bổ nhiệm ngày 25/12/2019
6	Nguyễn T.Minh Hương	Kế toán trưởng	6,300	

Tóm tắt lí lịch Ban điều hành

Ông Nguyễn Thành Sơn – Giám đốc, thành viên HĐQT

Ngày tháng năm sinh: : 08/10/1969

Nơi sinh : Hà Nội

Số CMND : 022427138

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 3A Điện Biên Phủ, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác :

- Từ 1993 – 2000 : Lao động quốc phòng, nhân viên điều độ, Trung tâm Điều độ, Quân cảng Sài Gòn
- Từ 2000 – 2003 : Lao động quốc phòng, nhân viên Marketing P. KH-KT, Quân cảng Sài Gòn
- Từ 2003 – 2004 : Lao động quốc phòng, nhân viên Marketing P. Marketing, Quân cảng Sài Gòn
- Từ 2005 – 2006 : CNVQP, nhân viên Marketing P. Marketing, Quân cảng Sài Gòn
- Từ 2006 – 2007 : Phó Trưởng phòng Marketing, Quân cảng Sài Gòn
- Từ 2007 – 2014 : Phó Giám đốc ICD Tân Cảng Long Bình, Quân cảng Sài Gòn
- Từ 2014 – 2015 : Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV ICD Tân Cảng Sóng Thần
- Từ 11/2016 – nay : Giám đốc Công ty TNHH MTV ICD Tân Cảng Sóng Thần
- Từ 01/06/2016 - nay : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc CTCP ICD Tân Cảng Sóng Thần

Chức vụ công tác hiện tại : Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty tại Công ty

Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Thành viên HĐQT CTCP Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương

Số lượng cổ phiếu nắm giữ : 2,047,674 cổ phiếu, chiếm 17.05% vốn điều lệ giữ

Trong đó:

- CP đại diện nắm giữ của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn : 2,041,474 cổ phiếu, chiếm 17.00% vốn điều lệ

- CP cá nhân nắm giữ : 6,200 cổ phiếu, chiếm 0.05% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không
- Số lượng cổ phần do người liên quan nắm giữ : 6,124,423 cổ phiếu, chiếm 51.00% vốn điều lệ
- Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn : 6,124,423 cổ phiếu, chiếm 51.00% vốn điều lệ

Bà Nguyễn Thị Minh Hương – Kế toán trưởng

- Ngày tháng năm sinh: : 09/08/1979
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Số CMND : 025629946
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : TC2 - 17-02, Chung cư Tropic Garden, Số 49 Đường 66, P. Thảo Điền, Q.2, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ
- Quá trình công tác :
 - Từ 09/2001 đến 05/2002 : Nhân viên kế toán, Công ty TNHH Tung Kuang
 - Từ 06/2002 đến 04/2010 : Nhân viên kế toán, Cty TNHH MTV ICD Tân Cảng Sóng Thần
 - Từ 05/2010 đến 11/2015 : Phó trưởng phòng Tài chính kế toán, Cty TNHH MTV ICD Tân Cảng Sóng Thần
 - Từ 12/2015 – 05/2016 : Trưởng phòng Tài chính kế toán - Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV ICD Tân Cảng Sóng Thần
 - Từ 01/06/2016 - nay : Kế toán trưởng CTCP ICD Tân Cảng Sóng Thần
- Chức vụ công tác hiện tại : Kế toán trưởng tại Công ty

Chức vụ đang nắm giữ ở : Không có
các tổ chức khác

Số lượng cổ phần nắm giữ : 6,300 cổ phần, chiếm 0.05% vốn điều lệ
Trong đó:

- CP đại diện nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0.00% vốn điều lệ
- CP các nhân nắm giữ : 6,300 cổ phần, chiếm 0.05% vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp : không
luật

Các khoản nợ đối với : không
Công ty

Thù lao và các khoản lợi : không
ích khác

Lợi ích liên quan Công ty : không

Số lượng cổ phần do : 0 cổ phần, chiếm 0.00% vốn điều lệ
người liên quan nắm giữ

Ông Nguyễn Quang Ngọc – Phó Giám đốc

Ngày tháng năm sinh: : 15/05/1966

Nơi sinh : Nghệ An

Số CMND : 025142693

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : H1 Lê Đức Thọ, P.6, Q.Gò Vấp, Tp Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn : Cử nhân quân sự

Quá trình công tác :

- Từ 02/1984 đến 06/1985 : B2-Chiến sỹ-d28-Sư đoàn 324-QK 4
- Từ 07/1985 đến 07/1986 : H1-Học viên-c2-d1-TSQLQ 3
- Từ 08/1986 đến 07/1988 : H1-Học viên-c2-d1-TSQLQ 3
- Từ 08/1988 đến 06/1990 : bt-c9-d3- Lữ 147 -Quân chủng Hải quân
- Từ 07/1990 đến 08/1992 : Đại đội phó - Quân cảng Sài Gòn n
- Từ 09/1992 đến 07/1996 : Đội trưởng Bảo vệ-Quân cảng Sài Gòn
- Từ 08/1996 đến 08/1999 : Đội trưởng-Xí nghiệp Xát lái-QCSG
- Từ 09/1999 đến 09/2000 : TLHL-P.Bảo vệ- Quân cảng Sài Gòn

- Từ 10/2000 đến 08/2003 : P. Trưởng phòng-P.-BV - Quân cảng Sài Gòn
- Từ 09/2003 đến 07/2007 : P.Trưởng phòng-P.-BV - Quân cảng Sài Gòn
- Từ 08/2008 đến 03/2012 : P.Trưởng phòng-P.QSBV - Quân cảng Sài Gòn
- Từ 07/2012 đến 04/2013 : P.Trưởng phòng-P.ATPC - Quân cảng Sài Gòn
- Từ 04/2013 đến 01/2019 : Trưởng phòng-P.-QSBV - Quân cảng Sài Gòn

Chức vụ công tác hiện tại : Phó Giám đốc
tại Công ty

Chức vụ đang nắm giữ ở : Không có
các tổ chức khác

Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0.00% vốn điều lệ

Trong đó:

- CP đại diện nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0.00% vốn điều lệ
- CP các nhân nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0.00% vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp : không
luật

Các khoản nợ đối với : không
Công ty

Thù lao và các khoản lợi : không
ích khác

Lợi ích liên quan Công ty : không

Số lượng cổ phần do : 0 cổ phần, chiếm 0.00% vốn điều lệ
người liên quan nắm giữ

Ông Phạm Thanh Sơn – Phó Giám đốc

Ngày tháng năm sinh: : 10/01/1983

Nơi sinh : Hải Phòng

Số CMND : 025777648

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 98/17 đường số 8, phường Tăng Nhơn Phú B,
quận 9, TP. HCM.

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ.

Quá trình công tác :

- Từ 2006 đến 2009 : Nhân viên kế hoạch điều hành Tàu, Terminal-clB, Trung tâm điều độ, TCT TCSG.
- Từ 2009 đến 2011 : Nhân viên trực ban sản xuất, Đội TBSX, Trung tâm điều độ, TCT TCSG.
- Từ 2011 đến 2014 : Phó trưởng Terminal-clB, TTĐĐ, TCT TCSG.
- Từ 2014 đến 2015 : Phó phòng chứng từ và dịch vụ khách hàng, Trung tâm dịch vụ logistics Tân Cảng, TCT TCSG.
- Từ 2015 đến 2017 : Trưởng phòng Điều hành dịch vụ, Trung tâm dịch vụ logistics Tân Cảng, TCT TCSG.
- Từ 2017 đến 2019 : Phó giám đốc, Trung tâm dịch vụ logistics Tân Cảng, TCT TCSG.

Chức vụ công tác hiện tại : Phó Giám đốc
tại Công ty

Chức vụ đang nắm giữ ở : Không có
các tổ chức khác

Số lượng cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0.00% vốn điều lệ
Trong đó:

- CP đại diện nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0.00% vốn điều lệ
- CP các nhân nắm giữ : 0 cổ phần, chiếm 0.00% vốn điều lệ

Hành vi vi phạm pháp : không
luật

Các khoản nợ đối với : không
Công ty

Thù lao và các khoản lợi : không
ích khác

Lợi ích liên quan Công ty : không

Số lượng cổ phần do : 0 cổ phần, chiếm 0.00% vốn điều lệ
người liên quan nắm giữ

- Những thay đổi trong ban điều hành: Trong năm 2019, Hội đồng quản trị công ty đã ra các quyết định miễn nhiệm/ bổ nhiệm Ban Điều hành, cụ thể như sau:

+ Bổ nhiệm ông Nguyễn Quang Ngọc giữ chức Phó Giám đốc theo quyết định ngày 15/01/2019;

+ Miễn nhiệm ông Nguyễn Đức Anh thôi giữ chức Phó Giám đốc theo quyết định ngày 29/07/2019;

+ Miễn nhiệm ông Nguyễn Phước Hiệp thôi giữ chức Phó Giám đốc theo quyết định ngày 25/12/2019;

+ Bổ nhiệm ông Phạm Thanh Sơn giữ chức Phó Giám đốc theo quyết định ngày 25/12/2019;

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

+ Tính đến hết tháng 12/2019: 167 cán bộ, nhân viên

+ Chính sách đối với người lao động tại công ty được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, phúc lợi và chế độ đãi ngộ tốt, đảm bảo thu nhập cho người lao động.

+ Thay đổi trong chính sách đối với người lao động: Không có sự thay đổi.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

TT	Hạng mục	ĐVT	Giá trị thực hiện (tr đồng)	
			Vốn tự có	Vốn vay
1	Dự án kho 50.275 m ²	Đồng	30.198	118.055
2	Phá dỡ tường rào cũ, xây dựng mới	Đồng	2.650	
Tổng cộng		Đồng	32.848	118.055

b) Các công ty con, công ty liên kết:

⚡ Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương

Đơn vị: tr đồng

TT	Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Vốn điều lệ	30.000	30.000	30.000	30.000
2	Tổng doanh thu	78.608	101.715	146.255	173.609
2,1	Doanh thu bán hàng	78.442	101.279	145.375	172.150
2,2	Doanh thu tài chính	14	416	853	915
2,3	Doanh thu khác	152	19	26	544
3	Tổng chi phí	77.212	99.876	143.661	166.271
4	Lợi nhuận trước thuế	1.395	1.838	2.593	7.338
5	Lợi nhuận sau thuế	469	1.125	1.882	6.641

Năm 2019, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh (doanh thu, lợi nhuận) của BNP tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó:

- Doanh thu đạt 173.609 triệu đồng. Trong cơ cấu doanh thu:

+ *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*: Trong năm, bên cạnh một số mảng dịch vụ hoạt động chưa hiệu quả như dịch vụ vận tải, dịch vụ khai thác

kho, một số mảng dịch vụ sản lượng tăng cao như dịch vụ khai thác bãi 5.7 ha, dịch vụ kiểm hóa quốc lộ 13, dịch vụ cung cấp dầu DO,.. góp phần tăng doanh thu, mang lại hiệu quả cao cho BNP. Theo đó, tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 172.150 triệu đồng, tăng 19% so với cùng kỳ năm 2019.

+ *Doanh thu tài chính*: BNP ghi nhận cổ tức bằng tiền mặt năm 2018 từ khoản đầu tư cổ phiếu ICDST với giá trị 854 triệu đồng.

Lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt 6.641 triệu đồng. Theo đó, BNP dự kiến chia cổ tức với tỉ lệ 10% vốn điều lệ.

⚡ Công ty Cổ phần Unithai Maruzen Logistics Việt Nam

Đơn vị: tr đồng

TT	Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
1	Vốn điều lệ	2.400	2.400	2.400	2.400
2	Tổng doanh thu	12.516	16.179	14.578	12.158
2,1	Doanh thu bán hàng	12.410	16.148	14.386	12.104
2,2	Doanh thu tài chính	106	31	191	54
2,3	Doanh thu khác	-	-	-	-
3	Tổng chi phí	10.705	12.800	12.607	10.557
4	Lợi nhuận trước thuế	1.811	3.379	1.971	1.601
5	Lợi nhuận sau thuế	1.404	2.698	1.577	1.287
6	Cổ tức chia cho ICDST	196	281	378	315

Năm 2019, kết quả kinh doanh tiếp tục giảm sâu. Nguyên nhân chính là do Unithai ngưng cung cấp dịch vụ cho khách hàng Sato Shoji Hà Nội từ tháng 01 (doanh thu chiếm hơn 1/3 tổng doanh thu của Unithai). Mặc dù Ban Điều hành đã tìm kiếm, cung cấp dịch vụ cho nhiều khách hàng mới như lô hàng rời xuất khẩu của IUK cho dự án nhà máy nhiệt điện Taketoya, tuy nhiên giá trị không đủ bù đắp khoản thiếu hụt nêu trên. Theo đó, lợi nhuận sau thuế năm 2019 chỉ đạt 1.287 triệu đồng.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2018 (triệu đồng)	Năm 2019 (triệu đồng)	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	397.736	510.563	28,37%
Doanh thu thuần	280.067	283.731	1,31%
Lợi nhuận từ HĐKD	44.783	48.218	7,67%
Lợi nhuận khác	(139)	56	-
Lợi nhuận trước thuế	44.644	48.274	8,13%

Lợi nhuận sau thuế	35.481	38.698	9,07%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	60,92%	55,86%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1.14	0.87	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	1.14	0.87	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.60	0.66	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1.59	1.97	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	-	-	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.70	0.56	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.13	0.14	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.24	0.23	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.05	0.09	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.16	0.17	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 12.008.672 cổ phần
- Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 7.339.417 cổ phần
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 4.669.255 cổ phần

- Công ty không có chứng khoán lưu hành tại nước ngoài, không bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài.

b) Cơ cấu cổ đông:

Theo tỉ lệ sở hữu

Danh mục	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
Tổng vốn	12.008.672	120.086.720.000	100%
Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên cổ phiếu có quyền biểu quyết	10.477.778	104.777.780.000	87,25%
Cổ đông sở hữu dưới 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	1.530.894	15.308.940.000	12,75%

Theo cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân

STT	Cổ đông	Số lượng CP	Tỉ lệ
1	Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn	6.124.423	51,00%
2	Công ty Cổ phần Hàng hải Á Châu	4.353.355	36,25%
3	American LLC	11.300	0,09%
4	Công ty CP Tiếp vận Tân cảng Bình Dương	473.524	3,94%

Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài

- Cổ đông trong nước: 202 cổ đông

- Cổ đông nước ngoài: 2 cổ đông

Cổ đông Nhà nước và cổ đông khác

STT	Cổ đông	Số lượng CP	Tỉ lệ
1	Cổ đông Nhà nước	6,124,423	51%
2	Cổ đông khác	5,884,249	49%

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không thay đổi.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: công ty không có cổ phiếu quỹ

e) Các chứng khoán khác: không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các

sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: không phát sinh.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: không phát sinh.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp (điện): 3.756.979 kwh/năm, trong đó:

+ Sản lượng điện tiêu thụ thông thường: 3.224.670 kwh/năm;

+ Sản lượng điện tiêu thụ dựa trên các tấm điện năng lượng mặt trời: 532.309 kwh/năm.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không phát sinh.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không phát sinh.

6.3. Tiêu thụ nước: 68.873 m³/ năm.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không phát sinh.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không vi phạm.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không phát sinh.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động:

+ Cán bộ công nhân viên: 150 người;

+ Viên chức quản lý (BGD, KTT): 5 người;

- Mức lương trung bình đối với người lao động:

+ Cán bộ công nhân viên: 19,444 triệu đồng;

+ Viên chức quản lý: 59,833 triệu đồng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Người lao động được trang bị đầy đủ công cụ, dụng cụ làm việc và đồ dùng bảo hộ lao động.

- Chính sách khám, chữa bệnh định kì được duy trì nhằm đảm bảo người lao động đủ điều kiện về sức khỏe để tham gia lao động.

- Chế độ tham quan, du lịch, các chế độ hiếu, hỉ, trợ cấp ốm đau, thai sản,....;

- Thường xuyên tổ chức tham quan du lịch, teambuilding, thường xuyên khích vượt doanh số, năng suất;

- Thường xuyên tổ chức huấn luyện an toàn lao động, phòng chống cháy nổ;

- Thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo, nói chuyện cùng chuyên gia

- Tham gia các hội thao tay nghề giỏi do SNP tổ chức/ phát động;

- Tổ chức các chương trình giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao dành cho người lao động nhân dịp ngày lễ và ngày kỉ niệm thành lập công ty;

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Năm 2019, công ty đã phối hợp cùng một số đơn vị tổ chức các lớp đào tạo chuyên môn cho cán bộ công nhân viên với mục tiêu nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu mới của khách hàng cũng như cập nhật những thay đổi trong chính sách pháp luật. Chi tiết các khóa đào tạo:

TT	Khóa học	Đối tượng	Số lượng
1	Tập huấn BHXH, chi phí và hóa đơn điện tử 2019	Cán bộ công nhân viên	158
2	Đọc hiểu và phân tích báo cáo tài chính	Cán bộ công nhân viên	8
3	Chính sách BHXH, đóng BHXH, tiền lương	Cán bộ công nhân viên	9
4	Tập huấn kiểm soát nội bộ doanh nghiệp	Cán bộ công nhân viên	5
5	Thi nâng giữ bậc năm 2019	Cán bộ công nhân viên	15
6	Tham gia tập huấn email – eoffice	Cán bộ công nhân viên	80
7	Tập huấn sử dụng phần mềm HRM – TCT TCSG	Cán bộ công nhân viên	3
8	Huấn luyện AT – VSLĐ 2019	Cán bộ công nhân viên	159
9	Hội thảo doanh nhân trẻ - khát vọng toàn cầu	Cán bộ công nhân viên	5

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:

- Tham gia quyên góp sách cho thư viện của Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn;
 - Tham gia quyên góp hai ngày lương doanh nghiệp cho quỹ xã hội từ thiện;
 - Tham gia quyên góp một ngày lương cơ sở cho quỹ vì người nghèo;
 - Tham gia hỗ trợ cho gia đình thương binh, liệt sĩ, mẹ Việt Nam Anh hùng, gia đình chính sách nhân dịp tết nguyên đán 2019;
 - Hỗ trợ khuyến học trường tiểu học Bình Hòa;
 - Ủng hộ Quỹ Phòng chống thiên tai;
- Tổng số tiền hỗ trợ hơn 535 triệu đồng

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

↓ Doanh thu

Tổng doanh thu thực hiện đạt 285.077 triệu đồng, tương đương 92% kế hoạch năm được Đại hội cổ đông thông qua.

Bên cạnh một số mảng dịch vụ có doanh thu tăng như dịch vụ bãi (TH 24.316 triệu đồng/ KH 16.475 triệu đồng), dịch vụ vận chuyển bằng đường bộ (TH 33.394 triệu đồng/ KH 26.220 triệu đồng),..., một số dịch vụ doanh thu không như kì vọng an đầu, theo đó doanh thu giảm mạnh so với kế hoạch, cụ thể:

+ *Dịch vụ kho (nhập xuất, xếp dỡ, giao nhận,...)*: Sản lượng xuất nhập kho của một số khách hàng lớn trong năm giảm mạnh như TGHH, các khách hàng kho ngoại quan... đã tác động không nhỏ đến doanh thu dịch vụ kho. Ngoài ra, việc triển khai dịch vụ cho một số khách hàng mới chưa thực hiện. Theo đó, tổng doanh thu dịch vụ kho trong năm 2019 chỉ đạt 41.338 triệu đồng, tương đương 88% kế hoạch năm (KH 46.296 triệu đồng).

+ *Dịch vụ vận chuyển bằng đường sắt*: Với hiện trạng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị tại các đầu ga chưa đảm bảo để vận hành hiệu quả dịch vụ, theo đó, trong năm, ICDST chỉ triển khai chạy tàu cho một số khách hàng theo phương thức ga – ga với sản lượng thấp. Vì vậy doanh thu thực hiện của dịch vụ này chỉ đạt xấp xỉ 14% so với kế hoạch năm (KH 24.110 triệu đồng).

+ *Dịch vụ đại lý hải quan*: Năm 2019, ICDST chủ yếu triển khai dịch vụ cho các khách hàng kho ngoại quan hiện hữu và một số khách hàng vận tải với sản lượng không cao như kì vọng, theo đó, doanh thu chỉ đạt xấp xỉ 36% kế hoạch năm (TH 3.828 triệu đồng/ KH 9.225 triệu đồng).

+ *Doanh thu từ hợp tác khai thác kho 50.275 m²*: Trong năm 2019, ICDST chưa ghi nhận được khoản doanh thu này (KH 9.334 triệu đồng). Nguyên nhân chủ yếu là do:

✓ Phương án phân chia kết quả kinh doanh được thay đổi từ phân chia doanh thu, chi phí sang lợi nhuận sau thuế;

✓ Thời gian phân chia và ghi nhận được chuyển sang năm 2020 (sau khi có báo cáo tài chính kiểm toán);

⚡ **Chi phí**

Doanh thu không đạt kế hoạch đề ra kéo tổng chi phí thực hiện năm 2019 đạt 236.802 triệu đồng, đạt 90% so với kế hoạch năm, tương đương cùng kì 2018. Trong cơ cấu chi phí:

- *Giá vốn hàng bán*: Vẫn chiếm tỉ trọng lớn nhất trong tổng chi phí với hơn 81%. Tương ứng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, chi phí giá vốn hàng bán trong kì giảm mạnh so với kế hoạch. Bên cạnh sản lượng dịch vụ giảm kéo chi phí trực tiếp giảm, các dự án không đảm bảo hiệu quả không được triển khai nhằm đảm bảo hiệu quả kinh doanh chung của công ty. Quản trị chi phí tốt giúp chi phí giá vốn hàng bán năm 2019 giảm 10% so với kế hoạch năm 2019 (TH 192.273 triệu đồng/ KH 213.321 triệu đồng).

- *Chi phí tài chính*: Đạt 8.610 triệu đồng. So sánh với kế hoạch năm, chi phí lãi vay giảm xấp xỉ 2.260 triệu đồng. Nguyên nhân là do việc thực hiện quyết toán kho 50.275 m² chậm, theo đó, giải ngân thấp hơn so với kế hoạch đã góp phần giúp giảm chi phí lãi vay.

- *Chi phí bán hàng và chi phí quản lí doanh nghiệp* cơ bản đảm bảo theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt.

⚡ **Lợi nhuận**

Tốc độ giảm doanh thu thấp hơn tốc độ giảm chi phí đã góp phần đẩy lợi nhuận tăng cao, tổng lợi nhuận trước thuế đạt 48.274 triệu đồng, tăng hơn 3% kế hoạch năm 2019, tăng 8% so với năm 2018.

Lợi nhuận sau thuế đạt 38.698 triệu đồng, đạt 104% kế hoạch năm 2019, tăng 9% so với năm 2018.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

a.1) Tài sản ngắn hạn

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	111.936.533.843	123.164.477.627
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	37.329.578.979	40.177.762.653
1. Tiền	111	31.629.578.979	14.332.184.005
2. Các khoản tương đương tiền	112	5.700.000.000	25.845.578.648
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		
1. Chứng khoán kinh doanh	121		
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	71.919.652.047	82.230.694.465
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	50.913.333.102	48.194.538.158
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	2.902.959.121	17.730.101.567
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	19.389.317.583	16.306.054.740
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(1.285.957.759)	
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý	139		
IV. Hàng tồn kho	140	-	49.877.090
1. Hàng tồn kho	141		49.877.090
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	2.687.302.817	706.143.419
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	2.687.302.817	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		706.143.419
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		

a.2) Tài sản dài hạn

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	398.626.358.800	274.571.938.634
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	50.870.532.903	60.619.268.480
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		
6. Phải thu dài hạn khác	216	50.870.532.903	60.619.268.480
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		
II. Tài sản cố định	220	282.866.561.830	121.769.389.962
1. Tài sản cố định hữu hình	221	282.514.617.388	121.124.778.852
- Nguyên giá	222	435.322.702.900	241.471.887.879
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(152.808.085.512)	(120.347.109.027)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
- Nguyên giá	225		
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		
3. Tài sản cố định vô hình	227	351.944.442	644.611.110
- Nguyên giá	228	5.251.521.818	5.251.521.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(4.899.577.376)	(4.606.910.708)
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-
- Nguyên giá	231		
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	-	20.152.920.976
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		20.152.920.976
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	18.847.773.081	18.847.773.081
1. Đầu tư vào công ty con	251		
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12.391.312.981	12.391.312.981
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.456.460.100	6.456.460.100
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		
VI. Tài sản dài hạn khác	260	46.041.490.986	53.182.586.135
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	46.041.490.986	53.182.586.135
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		
4. Tài sản dài hạn khác	268		
5. Lợi thế thương mại	269		

b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	338.670.761.992	236.845.313.760
I. Nợ ngắn hạn	310	128.696.373.810	108.127.108.737
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	36.643.534.640	51.111.388.445
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	-	
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	1.676.373.611	2.858.028.405
4. Phải trả người lao động	314	9.888.394.685	9.945.869.137
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	36.937.467.592	14.959.402.882
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	-	
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	-	
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	365.379.300	365.379.300
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	12.915.255.470	12.680.223.252
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	29.464.420.804	14.098.145.801
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	805.547.708	2.108.671.515
13. Quỹ bình ổn giá	323		
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		
II. Nợ dài hạn	330	209.974.388.182	128.718.205.023
1. Phải trả người bán dài hạn	331		
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		
7. Phải trả dài hạn khác	337	107.691.297.276	108.196.998.340
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	102.283.090.906	20.521.206.683
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Trong năm 2019, công ty không có thay đổi về cơ cấu tổ chức của công ty.

4. Kế hoạch phát triển năm 2020

STT	Chỉ tiêu	TH 2019 (tr đồng)	KH 2020 (tr đồng)	KH/TH (%)
1	Vốn điều lệ	120.087	150.087	124,98%
2	Vốn chủ sở hữu	172.193	200.257	116,30%
3	Tổng doanh thu	285.076	319.120	111,94%
4	Tổng chi phí	236.803	268.899	113,55%
5	Tổng LN trước thuế	48.274	50.221	104,03%
6	Tổng LN sau thuế	38.698	40.350	104,27%
7	Nộp ngân sách	26.104	9.977	38,22%
8	Tỷ suất LN/ Vốn điều lệ	32,22%	26,88%	83,41%
9	Tỷ suất LN/ Vốn chủ sở hữu	22,47%	20,15%	89,66%

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không phát sinh.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Công ty luôn thực hiện tốt, đảm bảo các chỉ số yêu cầu về môi trường theo quy định của pháp luật có liên quan. Định kì, công ty sử dụng đơn vị độc lập để kiểm định, đưa ra đánh giá khách quan và có biện pháp khắc phục ngay trong trường hợp môi trường không đảm bảo. Hệ thống điện năng lượng được đưa vào khai thác góp phần thực hiện mục tiêu thay thế dần bằng các nguồn năng lượng sạch trong sản xuất.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Năm 2019, công ty đã thực hiện tuyển dụng 16 nhân sự chất lượng cao nhằm bổ sung nguồn lực cho một số vị trí chủ chốt. Công ty đang hoàn thiện và tiến đến trả lương 3P nhằm đảm bảo công bằng, tăng động lực cho người lao động làm việc, cống hiến.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện tốt các công tác dân vận tuyên truyền, các chính sách an sinh xã hội, tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, chăm lo đời sống cho người dân ở địa phương nơi công ty có trụ sở.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội*

- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh:

+ Mặc dù tổng doanh thu chỉ đạt 92% kế hoạch đề ra (TH 285.077 triệu đồng/ KH 310.981 triệu đồng), tuy nhiên nhờ công tác quản trị chi phí hiệu quả, lợi nhuận sau thuế của công ty tăng trưởng mạnh, đạt 38.698 triệu đồng, tăng 4% so với kế hoạch năm 2019. Về các mảng dịch vụ, trong năm, công ty tập trung phát triển các mảng dịch vụ lõi, theo đó, triển khai tổ dự án từng bước tiếp cận và cung cấp dịch vụ cho một số khách hàng mới như ACFC, Masan,... Bên cạnh dịch vụ lõi, các dịch vụ giá trị gia tăng, đặc biệt dịch vụ vận chuyển có bước phát triển vượt bậc, tăng mạnh so với các năm trước.

- Đối với công tác quản lý tài chính: Chấp hành nghiêm chế độ quản lý tài chính doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước, Bộ Tài chính cũng như các quy định quản lý tài chính đối với công ty có vốn góp Nhà nước. Công tác tài chính lành mạnh, hạch toán kế toán trung thực, hợp lý; đảm bảo các chỉ tiêu bảo toàn và phát triển vốn. Công tác thu hồi công nợ cũng được đẩy mạnh để đảm bảo cân đối dòng tiền hoạt động cho công ty, tuy nhiên trong năm 2019 có phát sinh nợ xấu liên quan đến dịch vụ đường sắt. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty gặp tình trạng mất cân đối tài chính tạm thời (nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 16,76 tỷ), tuy nhiên đây là tình trạng tạm thời, đã được đảm bảo bởi khoản vay dài hạn khi hoàn thành quyết toán dự án xây dựng kho 50.000 m².

- Đối với công tác cấp hành Pháp luật và các chế độ quy định: Chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, các chế độ quy định. Trong năm không có tranh chấp, vi phạm pháp luật.

- Đối với công tác quản lý an toàn, quy trình quy phạm, an toàn sản xuất: Trong năm 2019, công ty tiếp tục áp dụng và hoàn thiện quy trình kiểm soát người và phương tiện ra vào cổng nhằm đảm bảo an ninh, an toàn trong toàn đơn vị. Ngoài ra, công ty đã yêu cầu các đơn vị cung cấp dịch vụ tuân thủ đúng các quy định về an toàn lao động trong kho hàng, đảm bảo không xảy ra tình trạng mất an toàn lao động; Công tác bố trí nhân sự và điều phối nguồn lực như phương tiện, trang thiết bị tại kho, bãi chưa hợp lý dẫn đến chưa tối ưu hóa năng suất lao động. Ngoài ra, do tổ chức biên chế chưa ổn định nên còn một số nhiệm vụ chồng chéo giữa các phòng (như giữa phòng SCM và phòng Kinh doanh)

- Đối với công tác bảo vệ môi trường, vệ sinh công nghiệp: Làm tốt công tác vệ sinh, môi trường. Năm 2019, dự án điện năng lượng tiếp tục được đưa vào khai thác, trong đó sản lượng điện từ nguồn nhiên liệu sạch tạo ra chiếm hơn

14% trong tổng sản lượng tiêu thụ toàn công ty không những góp phần bảo vệ môi trường mà còn giúp công ty giảm chi phí sử dụng điện.

- Đối với công tác nhân sự, tiền lương:

+ Công tác tuyển dụng, ký kết hợp đồng lao động, thực hiện tổ chức biên chế: Căn cứ tình hình thực tế của đơn vị, công ty đã triển khai tuyển dụng, ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật nhằm hoàn thiện tổ chức biên chế của đơn vị, đảm bảo không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh;

+ Công tác quản lý tiền lương: Thực hiện trích và chi lương đảm bảo tuân thủ theo quy định trong toàn hệ thống TCT. Trong năm 2019, công ty đã hoàn thiện và dự kiến sẽ áp dụng trả lương theo phương pháp 3P từ quý III năm 2020;

+ Thực hiện các quy định về thu nộp BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp: Thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động đầy đủ, kịp thời.

- Đối với trách nhiệm xã hội: Các Tổ chức quần chúng của công ty hoạt động hiệu quả, thường xuyên phối hợp với các tổ chức quần chúng địa phương, Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn/ Quân chủng Hải quân/ Bộ Quốc Phòng tổ chức các hoạt động dân vận, quân vận, xã hội, từ thiện góp phần nâng cao trách nhiệm đối với xã hội, cộng đồng của công ty.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Căn cứ Báo cáo của Ban Giám đốc và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019, HĐQT ghi nhận kết quả hoạt động của Ban Giám đốc trong năm 2019 như sau:

- Ban Giám đốc đã triển khai thực hiện tốt các hoạt động theo ủy quyền, phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phê duyệt. Trong đó:

+ Kết quả sản xuất kinh doanh cơ bản hoàn thành theo kế hoạch được Đại hội cổ đông phê duyệt.

+ Dự án đầu tư kho được đưa vào khai thác theo kế hoạch đã được đề ra.

+ Công tác tài chính hiệu quả. Sử dụng đòn bẩy tài chính hiệu quả. Hệ thống báo cáo tài chính quý, năm được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán của Việt Nam và các quy định hiện hành, đảm bảo thời hạn công bố thông tin theo đúng quy định;

- Bên cạnh một số mặt tích cực, công ty vẫn còn tồn tại một số vấn đề, cụ thể:

+ Chất lượng dịch vụ chưa ổn định, đặc biệt tại các trung tâm phân phối.

+ Tỷ lệ kho trần trên kho có dịch vụ vẫn còn chiếm khá cao;

- + Công ty phát sinh các khoản nợ khó đòi trong năm 2019;
- + Chất lượng một bộ phận nhân sự chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của công ty.

- + Việc chậm triển khai trả lương theo 3P và vẫn áp dụng hình thức trả lương cào bằng như hiện tại đã tác động không nhỏ đến năng suất lao động của người lao động;

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tập trung chỉ đạo, xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2021 – 2025 theo hướng phấn đấu trở thành một trung tâm logistics hiện đại tại khu vực phía Nam, hướng đến trở thành một trung tâm logistics hàng đầu Việt Nam mang tầm cỡ quốc tế;

- Ứng dụng công nghệ 4.0 vào công tác quản trị và số hóa doanh nghiệp;

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỉ lệ nắm giữ cổ phần tại 31/12/2019
1	Ông Ngô Trọng Phàn	Chủ tịch	17.00%
2	Ông Nguyễn Sơn	Phó Chủ tịch	29.00%
3	Ông Nguyễn Thành Sơn	Thành viên	17.05%
4	Ông Thành Quang Vinh	Thành viên	7.25%
5	Ông Nguyễn Đức Anh	Thành viên	17.00%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: ICDST không có các tiểu ban thuộc HĐQT

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Năm 2019, HĐQT đã tổ chức 6 kì họp dưới các hình thức khác nhau nhằm đảm bảo thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền kịp thời, đáp ứng các yêu cầu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, cụ thể:

- Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh: Yêu cầu BGD báo cáo, phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh định kì Quý, bán niên, năm; Xem xét, thông qua các giải pháp nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng hiệu quả và năng suất lao động;

- Đối với hoạt động đầu tư: Yêu cầu BGD thường xuyên báo cáo tiến độ triển khai các dự án đầu tư, mua sắm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Xem xét, điều chỉnh phương án đầu tư các dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt nhằm phù hợp hơn với tình hình kinh doanh thực tế;

- Đối với công tác tài chính: Giám sát, quản lý chặt chi phí; thường xuyên cập nhật các chỉ số tài chính của công ty để đánh giá chính xác sức khỏe tài chính của công ty. Phê duyệt các gói vay vốn theo đúng thẩm quyền. Giám sát, yêu cầu BDH thường xuyên báo cáo tình hình vay nợ, sử dụng các đòn bẩy tài chính; Rút kinh nghiệm, lành mạnh hóa trong công tác tài chính thông qua các đợt kiểm toán. Giám sát hoạt động của người đại diện phần vốn tại các công ty liên doanh, liên kết, các dự án hợp tác kinh doanh không thành lập pháp nhân theo chế độ báo cáo định kỳ và bất thường theo quy định của công ty;

- Đối với tổ chức biên chế: Kiện toàn, triển khai tổ chức biên chế theo phương án được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên họp thường niên tháng 04/2019;

- Các cuộc họp HĐQT:

TT	NGÀY	NỘI DUNG
1	01/2019/NQ-HĐQT	- Bổ nhiệm ông Nguyễn Quang Ngọc giữ chức Phó Giám đốc ICDST.
2	02/2019/NQ-HĐQT	- Thông qua ngày đăng kí cuối cùng thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019; - Thông qua chủ trương sửa chữa 550 mét tường rào giáp khu vực 434 và sửa chữa nâng cấp hành lang an toàn phòng cháy chữa cháy (PCCC) kho 50.275m ² .
3	03/2019/NQ-HĐQT	- Thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019; - Thông qua các giao dịch nội bộ theo thẩm quyền HĐQT; - Thông qua các nội dung liên quan đến tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2019;
4	04/2019/NQ-HĐQT	- Điều chỉnh phương án phân phối lợi nhuận và khen thưởng cho BDH năm 2018 và giao Giám đốc công ty điều chỉnh tài liệu trình Đại hội cổ đông thường niên thông qua năm 2019;
5	05/2019/NQ-HĐQT	- Miễn nhiệm ông Nguyễn Đức Anh thôi giữ chức Phó Giám đốc ICDST

6	06/2019/NQ-HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> - Miễn nhiệm ông Nguyễn Phước Hiệp thôi giữ chức Phó Giám đốc ICDST - Bổ nhiệm ông Phạm Thanh Sơn giữ chức Phó Giám đốc ICDST
---	-----------------	--

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không phát sinh.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: không phát sinh.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Stt	Thành viên	Chức vụ	Tỉ lệ nắm giữ cổ phần tại 31/12/2019
1	Bà Nguyễn Thị Bạch Cúc	Thành viên	0.00%
2	Ông Hồ Hải Đăng	Thành viên	0.10%
3	Bà Trần Thị Ngọc Mai	Trưởng ban	0.00%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Cử đại diện tham gia các buổi họp của HĐQT, của Ban Giám đốc công ty nhằm nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh của công ty;

- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT

- Kiểm soát hoạt động tài chính của Công ty;

- Kiểm tra tình hình hoạt động đầu tư, mua sắm trong năm của Công ty;

- Chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.

- Việc giám sát đối với thành viên HĐQT, Ban Giám đốc đến nay BKS chưa ghi nhận trường hợp nào vi phạm quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ của người quản lý công ty. HĐQT, Ban điều hành đã thực hiện tốt vai trò quản lý và điều hành Công ty đúng với kế hoạch 2019 đã được ĐHCĐ thông qua.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Ban điều hành	Số lượng	Thù lao /người/tháng	Thù lao /người/năm	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị	05			

1	Chủ tịch	01	5,250,000	63,000,000	
2	Phó Chủ tịch	01	4,200,000	50,400,000	
3	Thành viên	03	3,300,000	39,600,000	
II	Ban kiểm soát	03			
	Trưởng ban	01	3,300,000	39,600,000	
	Thành viên	02	2,250,000	27,000,000	

- Lương của Ban Giám đốc, Kế toán trưởng được thể hiện tại mục 6.5, phần II “Chính sách liên quan đến người lao động”

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không phát sinh.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không phát sinh.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: công ty đảm bảo thực hiện các quy định về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24 tháng 02 năm 2020, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

Toàn văn chi tiết của Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019 đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và đăng tải chi tiết trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần tại địa chỉ: www.icdsongthan.com.vn.

**Xác nhận của đại diện
theo pháp luật của công ty
GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thành Sơn

